

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN CHÂU
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 71/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 31-8-2018

V/v Tranh chấp “Ly hôn, nuôi con”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đinh Hữu Cải;
2. Bà Trần Thị Tuyết Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Thân Thị Trang Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 81/2018/TLST-HNGĐ, ngày 05 tháng 02 năm 2018 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Phùng Thị T**, sinh năm 1988; Nơi cư trú: Tổ 18, ấp Tân Tr, xã Tân H, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

Bị đơn: Anh **Dương Thành C**, sinh năm 1979; Nơi cư trú: Tổ 18, ấp Tân Tr, xã Tân H, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 31 tháng 01 năm 2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Phùng Thị T trình bày:

Chị và anh C chung sống với nhau năm 2006 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân H, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong việc tiền bạc dẫn đến gây gổ, xô xát lẫn nhau; Anh C thường xuyên ghen tuông, không tin tưởng chị nên có đánh chị. Hiện nay anh chị vẫn còn sống chung nhà, nhưng không còn quan tâm yêu thương lẫn nhau. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh C.

Về con chung: Sinh được 02 con chung tên Dương Minh Ch, sinh ngày 06/3/2006 và Dương Thanh N, sinh ngày 16/7/2013, nay chị yêu cầu được nuôi 02 chung và không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị trình bày không thiếu nợ ai.

Bị đơn anh C trình bày: Anh thừa nhận lời trình bày của chị T về ngày tháng chung sống, con chung và nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là đúng. Nay do còn thương vợ nên yêu cầu được đoàn tụ. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn, anh yêu cầu được nuôi cháu Dương Minh Ch và đồng ý giao cháu Dương Thanh N cho chị T nuôi dưỡng; Anh không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Chị T yêu cầu được ly hôn với anh C; Về con chung chị yêu cầu được nuôi cháu Dương Thanh N, sinh ngày 16/7/2013 và không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con. Chị đồng ý để anh C trực tiếp nuôi cháu Dương Minh Ch, sinh ngày 06/3/2006.

Anh C trình bày: Anh đồng ý ly hôn với chị T; Về con chung anh yêu cầu được nuôi cháu Dương Minh Ch, sinh ngày 06/3/2006 và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Anh đồng ý để chị T trực tiếp nuôi cháu Dương Thanh N, sinh ngày 16/7/2013.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ theo trình tự thủ tục thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự

Về nội dung giải quyết vụ án:

- Đề nghị Hội đồng xét xử: Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa chị Phùng Thị T và anh Dương Thành C.

- Về con chung: Ghi nhận chị T đồng ý giao cháu Dương Minh Ch, sinh ngày 06/3/2006 cho anh Dương Thành C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh C đồng ý giao cháu Dương Thanh N, sinh ngày 16/7/2013 cho chị Phùng Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh C, chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Ghi nhận chị T, anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị T, anh C trình bày không thiếu nợ ai.

- Về án phí: Chị Phùng Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về hôn nhân:* Chị T và anh C chung sống với nhau từ năm 2006, có đăng ký kết hôn, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Tại phiên tòa chị T yêu cầu được ly hôn, anh C đồng ý ly hôn. Xét thấy việc thuận tình ly hôn giữa chị T và anh C là tự nguyện phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên ghi nhận.

[2] *Về con chung:* Chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Dương Thanh N, sinh ngày 16/7/2013 và đồng ý giao cho anh C trực tiếp nuôi cháu Dương Minh Ch, sinh ngày 06/3/2006. Anh C đồng ý trực tiếp nuôi cháu Dương Minh Ch và

đồng ý giao cho chị T nuôi cháu Dương Thanh N. Chị T, anh C không yêu cầu cấp dưỡng, nên ghi nhận.

[3] *Về tài sản chung*: Chị T, anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết là tự nguyện, nên ghi nhận.

[4] *Về nợ chung*: Chị T, anh C trình bày không có.

[5] *Về án phí*: Chị Phùng Thị T phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 146, 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số : 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. *Về hôn nhân*: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phùng Thị T và anh Dương Thành C.

2. *Về con chung*: Ghi nhận anh Dương Thành C đồng ý để chị Phùng Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Dương Thanh N, sinh ngày 16/7/2013. Ghi nhận chị Phùng Thị T đồng ý để anh Dương Thành C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Dương Minh Ch, sinh ngày 06/3/2006. Ghi nhận chị T, anh C không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn chị T, anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. *Về tài sản chung*: Ghi nhận chị T, anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. *Về nợ chung*: Chị T, anh C trình bày không thiếu nợ ai.

5. *Về án phí*: Chị Phùng Thị T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng tại biên lai thu số **0025189 ngày 05 tháng 02 năm 2018** của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; chị T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. *Về quyền kháng cáo*: Báo cho chị T, anh C biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Tân Châu;
- CC THADS huyện Tân Châu;
- UBND thị trấn Tân Châu;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án;

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Phạm Minh Tuấn